

ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC VÀ SẮC THÁI VĂN HOÁ CỦA THÀNH NGỮ SO SÁNH TIẾNG NGA TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA LÉP TÔLXTÔI

STRUCTURAL CHARACTERISTICS AND CULTURAL NUANCES OF RUSSIAN IDIOMS OF COMPARISON IN THE WORKS OF LEO TOLSTOY

Dương Quốc Cường

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: cuonganh58@gmail.com

Tóm tắt - Thành ngữ Nga, đậm nét trong ngữ nghĩa, phong phú về cảm xúc, cô đọng về hình tượng và hiệu quả trong phát ngôn do chứa đựng thành tố văn hóa dân tộc Nga. Thành ngữ cho phép nhà văn dùng nó như là phương tiện trên mô tả ý nghĩa, hành động tinh cảm của nhân vật, thể hiện mối quan hệ sinh động giữa con người với sự kiện, làm cho tính cách nhân vật cũng như nội dung tác phẩm thêm phong phú. Lép Tôlxtôi đi vào văn học Nga như là nhà sáng tạo ra các thiên tiểu thuyết hoành tráng có một không hai. Ông đã góp phần đưa nền văn học Nga thế kỷ 19 sánh vai cùng với nền văn học Tây Âu. Để hiểu thêm bút lực thiên tài của Lép Tôlxtôi trong việc sử dụng thành ngữ trong các hình tượng tác phẩm văn học, bài báo phân tích các đặc điểm cấu trúc và sắc thái văn hóa của thành ngữ so sánh trong các tác phẩm của Lép Tôlxtôi.

Từ khóa - Văn học Nga, thành ngữ so sánh; Lép Tôlxtôi; sắc thái văn hóa; Chiến tranh và hòa bình; dân tộc Nga; đặc điểm cấu trúc; tinh cảm của nhân vật; tác phẩm văn học

Abstract - Russian idioms, deep in meaning, rich in emotions, concise in images and effective in utterances encompass the cultural elements of the Russian people. Idioms allow the writer to use them as a means to describe the character's thoughts, actions and sentiments and to manifest the living relationships between humans and events and make the character's personalities as well as the work contents richer. In Russian literature, Leo Tolstoy was considered a master of unmatched and marvelous novels. He made worthy contributions to bringing Russian literature in the 19th century to the same levels of the contemporary European literature. To fully understand the talent of Leo Tolstoy as a great writer in using idioms expressing the images of literary works, the author will make analyses of structural characteristics and cultural nuances of the idioms of comparison in Leo Tolstoy's works.

Key words - Russian literature; idioms of comparison; Leo Tolstoy; cultural elements; War and Peace; Russian people, structural characteristics; the character's sentiments; literary works

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ là những tổ hợp từ cố định diễn đạt ý tưởng mang tính cách đặc trưng của một ngôn ngữ và là những đơn vị ngôn ngữ mang đậm sắc thái văn hóa dân tộc. Học một ngoại ngữ, không thể bỏ qua các thành ngữ của ngôn ngữ đó. Các thành ngữ Nga đều chứa đựng thành tố văn hóa dân tộc đậm nét trong ngữ nghĩa. Những thành ngữ này rất phong phú về mặt cảm xúc và cô đọng, có tính hình tượng cao làm hiệu quả cảm nhận một phát ngôn và làm cho phát ngôn mang nhiều màu sắc dân tộc hơn. Theo V. M. Mokienko thì "đơn vị thành ngữ cùng với các từ vị của mình chính là nguồn ngữ liệu chủ yếu cho tri thức nền của một dân tộc và còn có khả năng tích lũy các thông tin ngoài ngôn ngữ" [3, tr.5]. Và chính bản chất và nội dung của thành ngữ quy định những đặc điểm văn hóa dân tộc trong ngữ nghĩa của chúng. Ngữ nghĩa của thành ngữ không chỉ bao gồm khái niệm của nó mà phần ngữ nghĩa này còn do nền của thành ngữ quyết định. Còn văn hóa, trong ý nghĩa rộng nhất theo UNESCO là "tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội" [15, tr.21]. Và qua thực tiễn dạy - học tiếng Nga thành ngữ giới thiệu cho người học các tri thức phong phú về mặt lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, văn học và tập tục của dân tộc Nga. Đúng như X. G. Gavorin đã nhận định: "Không thể gọi là nắm được một ngôn ngữ nếu không nghiên cứu một cách có hệ thống các thành ngữ của ngôn ngữ đó, nhưng cũng không thể nói là nắm được thành ngữ nếu không hiểu rõ xuất xứ của chúng" [1, tr.56]. Một thực tế là dạy học ngoại ngữ nói chung, tiếng Nga nói riêng "dựa trên các yếu tố văn hóa được so sánh giữa các dân tộc là phương thức quý giá giúp người học có một cái nhìn mở ra bên ngoài, là nguồn hứng khởi là cơ hội thực hành ngôn

ngữ khi họ biểu đạt cái tương đồng và dị biệt trong hai thực thể văn hóa" [12, tr.6].

2. Vài nét về thành ngữ tiếng Nga

Từ lâu, người ta thường hình dung hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ bao gồm các đơn vị là từ: từ đơn, từ ghép và từ phái sinh. Thế nhưng ngoài những yếu tố đó, người ta còn gặp các "tổ hợp từ", có kết cấu cố định, và nghĩa của các tổ hợp từ này không thể dễ dàng nhận biết được. Theo Đỗ Hữu Châu, "tính thành ngữ được định nghĩa như sau: cho một tổ hợp có nghĩa các đơn vị A, B, C... mang ý nghĩa lần lượt s[1], s[2], s[3]... tạo nên, nếu như nghĩa S không thể giải thích bằng các ý nghĩa s[1], s[2], s[3]... thì tổ hợp này có tính thành ngữ" [Đỗ Hữu Châu, 2001]. Ví dụ: Tổ hợp từ "vung tay quá trán" có tính thành ngữ vì ý nghĩa "phung phí" của nó không thể giải thích được bằng nghĩa của "vung tay" và "quá trán". Tương tự trong tiếng Nga, khi gặp một phát ngôn: "выносить сор из избы" – vạch áo cho người xem lưng, chúng ta không thể hiểu theo nghĩa đen của từ mà phải là "vạch áo cho người xem lưng". Những cách nói như trên được người bản ngữ hiểu không mấy khó khăn và sử dụng một cách dễ dàng trong hội thoại hàng ngày, cũng như trong các văn bản viết. Những tổ hợp từ như vậy được gọi là thành ngữ фразеологизм. Vậy, thành ngữ là gì?

Cũng như thành ngữ tiếng Việt, thành ngữ tiếng Nga là những tổ hợp từ chặt chẽ về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng tạo thành những đơn vị có nghĩa hàm dụ khác hẳn với ý nghĩa của các thành tố trong tổ hợp từ cộng lại như vẫn thường thấy ở các cấu trúc thường. Nói cách khác, thành ngữ có ý nghĩa độc lập với từng nghĩa riêng rẽ của mỗi thành tố trong thành ngữ và chúng hợp thành một khối đồng nhất về nghĩa.

Như vậy, thành ngữ chính là tổ hợp từ cố định, có kết cấu bền vững về hình thái cấu trúc và hoàn chỉnh, bóng

bấy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ.

Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi không đi sâu về mặt nội dung, nguồn gốc và sự hình thành của thành ngữ tiếng Nga mà chỉ tập trung vào việc tìm hiểu đặc điểm cấu trúc và sắc thái văn hóa của các thành ngữ so sánh tiếng Nga dựa trên ngữ liệu từ các tác phẩm của Lep Tòlxtôi. Chúng ta cũng biết rằng đặc trưng của thành ngữ là tính bền vững về hình thái cấu trúc, thể hiện ở sự ổn định trong thành phần từ vựng của thành ngữ. Các yếu tố tạo nên thành ngữ là từ, hầu như được giữ nguyên khi sử dụng, người ta không thể thêm hay bớt thành phần nào, thậm chí chặt chẽ đến mức loại bỏ khả năng thay thế từ đồng nghĩa. Tính bền vững cấu trúc còn được thể hiện ở sự cố định của trật tự các từ tạo nên thành ngữ. Nhà ngôn ngữ học X. G. Gavorin cho rằng thành ngữ có 5 chức năng: làm cho ngôn ngữ mang tính biểu cảm; làm cho ngôn ngữ mang tính tình thái; rút gọn lời nói; giảm việc lựa chọn từ trong lời nói; cung cấp những nhận xét tổng quát [1, tr.201]. Thành ngữ làm cho ngôn ngữ mang tính biểu cảm là nhờ trong thành phần cấu tạo của thành ngữ có sử dụng những phương tiện ngôn ngữ biểu cảm như ẩn dụ, so sánh. Vì vậy, khám phá đặc điểm cấu trúc và đặc điểm văn hóa thành ngữ so sánh một phần giúp người học dễ dàng hơn trong việc ghi nhớ và lĩnh hội thành ngữ.

Qua khảo sát từ trong các tác phẩm của Lep Tòlxtôi, chúng tôi rút ra được gần 80 thành ngữ so sánh tiếng Nga đưa vào nghiên cứu.

3. Các đặc điểm cấu trúc của thành ngữ so sánh tiếng Nga

Khi khảo sát tìm hiểu về thành ngữ so sánh, chúng tôi coi đây là một tổ hợp từ bền vững, bắt nguồn từ phép so sánh, với nghĩa biểu trưng. Tuy nhiên nó không xa với nghĩa thực, có khi dùng cả nghĩa thực với nghĩa bóng. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi phân loại thành ngữ so sánh theo đặc điểm cấu trúc hình thái, thành hai loại:

- Loại thành ngữ so sánh có đủ hai vế đối xứng, ví dụ:

- Из зал неся стоявший в них - Từ các phòng khách vắng tới tiếng ào ào như *равномерный, как в улье* [5, T. 1, tr. 93].

- Рдости эти были так мелки, что они незаметны были, как *золото в песке*, и в дурные минуты она видела одни горести, один песок; но были и хорошие минуты, когда она видела одни радости, одно золото. [5, T. 1, стр. 266].

- “Буду меньше махать рукой, больше всем туловищем”, - думал он, *сравнивая как по нитке* обрезанный

- “Mình phải bớt vung cánh tay mà xoa người nhiều hơn”, chàng tự nhủ, vừa so sánh vật cở dơ tita *hải thẳng tắp như kẻ chỉ* với

ряд Тита со своим *вật cở của mình đứt quãng* раскиданным и неровно *và lờm chờm như răng cưa* лежащим рядом [5, T.1, [9, T. 1, tr. 388].

- Loại thành ngữ so sánh giản lược: một vế so sánh, còn một vế được giảm đi hay được hiểu ngầm, thường bắt đầu bằng liên từ *КАК*, ví dụ:

- Я знаю его! Я знаю, что он, *как рыба в воде*, плавает и наслаждается во жли [5, T. 1, стр. 296].

- Mình thừa hiểu con người lão, biết lão bơi trong *dối trá như cá bơi trong nước* và lão còn lấy thể làm *khối trá* [9, T. 1, tr. 449].

- Как в игре в кошку мышку, руки, поднятые для него, тотчас же опускались пред Анной [5, T. 2, стр. 90].

- Như trong trò chơi mèo *đuổi chuột*, những bàn tay giơ lên cho chàng chui qua *lập tức hạ xuống* chần Anna [9, T. 2, tr. 140].

- Жениха ждали в церкви, а он, как *запертый в клетке зверь*, ходил по комнате, выглядывая в коридор и с ужасом и отчаянием вспоминая, что он наговорил Кити и что она может теперь думать [5, T. 2, стр. 14].

- Người ta đang chờ chú rể ở nhà thờ, còn chú rể thì *như một con thú dữ nhốt trong cũi*, loay hoay đi đi lại lại trong phòng, thỉnh thoảng lại ngóng nhìn ra hành lang, hải hùng tự hỏi không biết lúc này Kitty đang tưởng tượng ra những gì sau tất cả những chuyện *lãng nhăng* chàng đã nói với nàng [9, T. 2, tr. 21].

Phép so sánh là một biện pháp tu từ học, nhưng thành ngữ so sánh vẫn có những đặc điểm riêng về phương diện hình thái cấu trúc. Các nhà ngôn ngữ học thống nhất ý kiến cho rằng, ở dạng đầy đủ nhất có tính chất lý tưởng, cấu trúc ngôn ngữ của phép so sánh là: **A t như B** (trong đó A là sự vật được so sánh; t là thuộc tính được so sánh; như là từ so sánh, B là sự vật so sánh). Trong thực tế, cấu trúc thành ngữ so sánh không đa dạng hơn phép so sánh mà chỉ tương ứng với một số dạng. Đó là dạng: t như B và dạng: như B.

Trong thành ngữ so sánh, vế được so sánh là vế có tính chất bắt buộc trong cấu trúc, nhưng không nhất thiết là nó phải ổn định về mặt hiển ngôn. Có nhiều thành ngữ nó xuất hiện ở dạng hàm ngôn. Còn t có thể là danh từ, động từ hoặc tính từ, xuất hiện linh hoạt và không ổn định. Điều đáng chú ý là vế B trong thành ngữ so sánh, bởi lẽ qua vế B có thể thấy được cách nhìn, cách nghĩ, thấy được dấu ấn của đời sống văn hóa, vật chất tinh thần của một dân tộc được phản ánh qua ngôn ngữ. Trong cấu trúc của thành ngữ so sánh vế được so sánh có thể là một từ, một tập hợp từ hoặc một kết cấu chủ vị.

Vế được so sánh là một từ, ví dụ:

- Ишь ты красавица, *беленькая, как сахар*, говорила одна, любуясь на Танечку и покачивая головой - А духая... [5, T. 1, стр. 270].

- Hỡi nhìn cô bé kìa, sao *mà trắng thế nhì! Trắng như trứng gà bóc* ấy. - Một bà ngấm Tanhia, nói. - Nhưng phải cái hơi gầy, - bà ta lắc đầu nói thêm [9, T. 1, tr. 309].

- Со мной случилось что-то волшебное, как сон, когда делается страшно, жутко, и вдруг всех этих страхов нет [5, T. 2, стр. 169].

Về được so sánh là một tập hợp từ, ví dụ:

- Но фру-фру, как падающая кошка, сделала на прыжке усилие ногами и спиной и, миновала лошадь, понеслась дальше [5, T. 1, стр. 206].

- Она совершенно потерялась. Она стала биться, как пойманная птица: то хотела встать и идти куда-то, то обращалась к Бетси [5, T. 1, стр. 218].

Về được so sánh là kết cấu chủ vị, ví dụ:

- Анна должна была, как и всегда, отвечать и говорить; но она была сама не своя и как во сне шла под руку с мужем [5, T. 1, стр. 220].

- Она знала, что это так и будет, и вместе с тем это было так ужасно, что она не могла представить себе даже, чем это кончится. И она плакала, не удерживаясь, как плачут наказанные дети [5, T. 1, стр. 297].

- Ему было девять лет, он был ребенок; но душу свою он знал, она была дорога ему, он берег её, как веко бережёт глаз, и без ключа любви никого не пускал в свою душу [5, T. 2, стр. 58].

Nhưng dù ở kiểu cấu trúc nào thì nó cũng có một giá trị chung, đó là giá trị biểu trưng ngữ nghĩa. Qua khảo sát chúng tôi thấy trong thành ngữ so sánh cơ chế tạo nghĩa của thành ngữ có hai dạng:

Các thành ngữ so sánh mà trung tâm ngữ nghĩa nằm ở thuộc từ được so sánh, ví dụ:

- незаметны, как золото в песке - mất tăm như vàng trong cát

- Những điều xảy đến với em kỳ diệu như một giấc mơ. Thật y như khi tỉnh dậy sau một cơn ác mộng gớm ghiếc và thấy mọi kinh hoàng đều qua hắt [9, T. 2, tr. 271].

- Nhưng lao xao như con mèo rơi xuống, gồng ưỡn lưng và chân ngay khi còn ở trên không, tránh con ngựa kia và tiếp tục chạy [9, T. 2, tr. 306].

- Nàng hoảng hốt. Nàng cuống cuống như con chim mắc bẫy, khi định đứng dậy bỏ đi, khi quay lại với Betsy [9, T. 2, tr. 35].

- Anna cũng phải trả lời và nói năng bình thường như không có chuyện gì xảy ra, nhưng nàng không còn bụng dạ nào, cứ khoắc tay chồng bước đi như trong mộng [9, T. 2, tr. 327].

- Nàng biết sự việc sẽ như thế, đồng thời thấy nó kinh khủng đến nỗi không hình dung nổi rồi đây sẽ kết thúc ra sao. Và nàng mặc sức khóc, không cần nén lại, y như đứa trẻ bị phạt [9, T. 1, tr. 450].

- Nó lên chín, nó chỉ là một đứa con nít, nhưng nó hiểu tâm hồn nó, tâm hồn đó thân thiết với nó, nó bảo vệ tâm hồn như hàng mi bảo vệ con người mắt mình, chống lại những ai muốn đi sâu vào tâm hồn mà không có chìa khóa của tình yêu [9, T. 2, tr. 137 - 138].

- сравнивая как по нитке - thẳng tắp như kẻ chỉ

- как во сне шла - bước đi như trong mộng

Một số thành ngữ so sánh khác, trung tâm nghĩa nằm ở về được so sánh, ví dụ:

- как рыба в воде - như cá gặp nước

- как в игре в кошки мышки - như trong trò chơi mèo vờn chuột

- как веко бережёт глаз - hàng mi bảo vệ con người mắt mình

Nhưng dù ở dạng nào thì chúng ta cũng thấy rằng: trong thành ngữ so sánh bao giờ cũng có một yếu tố mang nghĩa trung tâm, còn những yếu tố khác bổ sung ý nghĩa cho yếu tố trung tâm đó. Như vậy các thành ngữ dạng này thường dễ hiểu, dễ nhớ đối với người học tiếng Nga do có cùng cấu trúc như thành ngữ so sánh trong tiếng Việt. Chỉ lưu ý một điều là các dân tộc khác nhau sử dụng các hình tượng biểu trưng khác nhau để so sánh: để diễn đạt trắng, người Nga nói: "белый как снег", hoặc "белый как бумага", trong khi đó người Việt chúng ta lại dùng hình ảnh "bông", "trứng gà bóc" hay "vôi". Như vậy, các hình tượng biểu trưng trong so sánh phản ánh rõ nét dấu ấn về đời sống văn hoá vật chất và tinh thần của từng dân tộc.

4. Một số sắc thái văn hóa của thành ngữ so sánh tiếng Nga

Thành ngữ so sánh mà chúng tôi nghiên cứu và thu thập trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi, với tư cách là người đại diện xứng đáng của ngôn ngữ Nga, đã phản ánh việc sử dụng có chọn lọc của một nhà văn Nga vĩ đại, theo đúng tinh thần của cộng đồng người Nga và phản ánh rõ nét văn hóa dân tộc Nga. Qua khảo sát và thu thập thành ngữ sử dụng trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi, chúng tôi nhận thấy trong tổng số 650 thành ngữ có 78 thành ngữ so sánh chiếm tỷ lệ 12%. Giá trị văn hóa dân tộc Nga của các thành ngữ so sánh được sử dụng trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi do ba hình thức cấu thành:

a) Với ý nghĩa mang tính đặc thù của mình, các thành ngữ so sánh trong tác phẩm của Lép Tôlxtoi phản ánh văn hóa dân tộc Nga một cách hoàn chỉnh, trọn vẹn. Những thành ngữ mà Lép Tôlxtoi sử dụng chỉ các hiện tượng văn hóa không quen thuộc với chúng ta. Chúng chỉ các "khái niệm đã xác định", đó là những hiện tượng văn hóa đặc trưng cho dân tộc Nga, chúng không dễ dàng dịch được sang một ngôn ngữ khác mà vẫn bảo toàn trọn vẹn bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Ví dụ:

- Я ужасно желала прежде, чтобы Nicolas желнился на ней, но я всегда как бы linh cảm rằng việc đó не будет. Она пустоцвет, знаешь, как на клубнике [5, T. 4, стр. 268].

- Говорят, что государь неохотно передал эту власть Кутузову. Говорят, что он - Nghe đâu như hoàng thượng miễn cưỡng giao quyền tự do cho ông ta.

покраснел, как барышня, Người ta bảo Ngài đỏ mặt
 которой бы прочли lên như thiếu nữ nghe đọc
 Жонконду... [5, T.3, стр. 135]. *chuyện Joconde* [9, T. 3, tr. 217].

Những thành ngữ có cấu trúc và nội dung tương tự cũng có trong tiếng Việt: nói dối như Cuội, máu Hoạn Thư, sư tử Hà Đông, oan Thị Mầu...

b) Các thành ngữ so sánh trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi có thể phản ánh những sắc thái văn hóa dân tộc Nga một cách riêng rẽ, bằng từng thành tố ngữ nghĩa độc lập.

Ví dụ :

- Яшвин был в полку - Yasvin là bạn thân
 лучший приятель nhất của Vronxki trong
 Вронского. Вронский trung đoàn. Vronxki yêu
 любил его и за его anh ta vì sức khỏe kỳ lạ,
 необычайную trong nhiều trường hợp
 физическую силу, thường biểu lộ bằng cách
 которую он большею *nốc rượu như thùng tôn,*
 частью высказывал тем, bằng cách ngủ mà lúc nào
 что мог *пить как бочка,* trong người cũng sáng
 не спать и быть все таким khoẻ [10, T. 1. Tr, 274].
 же [4, T 1, стр. 168].

- Нет, баронесса. Я - Thừa nữ nam tước,
 рождён цыганом и умру không. Tôi sinh ra là người
 цыганом [4, T. 1, стр. Digan và sẽ chết như người
 128]. Digan [10, T. 1, tr.175].

- Я знаю, что он, как - Minh thừa hiểu con
 рыба в воде, плавает и người lão, biết lão hỏi trong
 нас лаждается во лжи [4, dối trá như cá trong nước
 T. 1, стр. 296]. và lão còn lấy thể làm
 khoái trá [10, T. 1, tr. 449].

c) Các thành ngữ mà Lép Tôlxtoi sử dụng có thể phản ánh đặc trưng văn hóa đa dạng bằng chính nguyên mẫu biểu đạt của mình: miêu tả tập tục, tín ngưỡng, hành vi tiêu biểu của dân tộc Nga.

Ví dụ :

- ..., и гимнастикой и - ... do tập thể dục
 хорошим уходом за своим và chăm nom thân thể
 телом он довел себя до такой cẩn thận, ông ta dư
 силы, что, несмотря на sức đến nỗi mặc dầu
 излишества, которым он thả cửa chơi bời trong
 предавался в удовольствиях, các cuộc vui, ông vẫn
 он был свеж, как большой *тươi như quả dưa Hà*
 зелёный глянцевиный *Lan* lớn, xanh tươi và
 голландский *огурец* [5, T. 1, bóng bảy [9, T. 1, стр.
 стр. 353]. 541].

- А признайтесь, есть это - Anh cứ thử thực
 чувство, как уголовеского là muốn nháy qua cửa
 жениха, что в окошко хочется sổ như chú rết Gôgôn
 выпрыгнуть? [5, T. 2, стр. 9]. đi [9, T. 2, стр. 13].

- Алексей - Alêcxêi
 Александрович, столь Alêcxândrôvich trong
 сильный человек в công việc quốc gia thì
 государственной tài giỏi như vậy mà ở
 деятельности, тут чувствовал đây đành cảm thấy bất
 себя бессильным. *Как бык,* lực. *Như con bò,* ông

покорно опустив голову, он cúi đầu *nhấn nhục* chờ
 ждал обха, который, đợi cái đòn sắp nện
 ончувствовал,был над ним xuống đầu [9, T. 1,
 поднят [5, T. 1, стр. 160]. стр. 229].

Chúng tôi thấy hệ thống các hình tượng được ghi lại trong các đơn vị thành ngữ trong tác phẩm Lép Tôlxtoi là kho báu của dân tộc Nga nhằm lưu giữ thế giới quan và tinh thần cộng đồng người Nga, chúng trở thành tinh hoa trong văn hóa truyền thống của dân tộc Nga. Đặc tính quan trọng này được thể hiện rất rõ nét ở thành ngữ so sánh tiếng Nga trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi.

5. Kết luận

Thành ngữ là bậc thang đầu tiên đi vào chiều sâu của một ngôn ngữ mà nó sử dụng, tùy theo trình độ ngôn ngữ và kiến thức về nền văn hoá xứ đó. Thành ngữ là một bộ phận của hệ thống từ vựng, là một hiện tượng diễn đạt độc đáo riêng biệt của mỗi ngôn ngữ. Tìm hiểu thành ngữ có thể giúp người học khám phá về văn hoá, vì trong chừng mực nào đó, thành ngữ phản ánh lối suy nghĩ và nếp sinh hoạt của một dân tộc.

Trên đây là những kết quả bước đầu của chúng tôi trong việc nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và sắc thái văn hóa dân tộc Nga qua thành ngữ so sánh đã được sử dụng trong các tác phẩm của Lép Tôlxtoi. Mục đích của nghiên cứu này nhằm giúp những đối tượng là người Việt Nam học tiếng Nga nắm vững những đặc điểm cấu trúc và đặc trưng văn hóa các thành ngữ so sánh tiếng Nga để sử dụng chúng chính xác, linh hoạt trong giao tiếp, làm cho diễn ngôn trở nên sinh động hơn, biểu cảm hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Гаврин С. Г. (1973), *Фразеологии русского языка в школе*, Москва.
- [2] Костомаров В. Г. (1999), *Языковой вкус эпохи*, Изд. "Златоуст", Санкт - Петербург.
- [3] Мокненко В. М. (1990), *Загадки русских фразеологизмов*, Изд. "Высшая школа", Москва.
- [4] Толстой Л. Н. (1984), *Анна Каренина*, Изд. Художественной литературы "Дніпро", Киев.
- [5] Толстой Л. Н. (1978), *Война и мир*, T.1-2-3-4, "Молодая гвардия", Москва.
- [6] Толстой Л. Н. (1984), *Воскресение*, Изд. "Художественной литературы", Ленинград.
- [7] Шанский Н. М. (1969), *Фразеология современного русского языка*, Изд. "Высшая школа", Москва.
- [8] Шуба П. П. (1979), *Современный русский язык*, Минск.
- [9] L. Tôlxtoi (1976), *Chiến tranh và hoà bình*, Tập I, II, III, IV, Dịch giả: Cao Xuân Hạo, Như Thành, Hoàng Thiếu Sơn, Trương Xuyên, Nhà xuất bản Văn hoá, Hà Nội.
- [10] L. Tôlxtoi (1988), *Anna Karenhina*, Dịch giả: Nhị Ca, Dương Tường, Nhà xuất bản Long An.
- [11] L. Tôlxtoi (1990), *Phục sinh*, Dịch giả: Phan Hồng Giang, Nhà xuất bản Ngoại văn, Hà Nội.
- [12] Trần Hữu Luyến, Vấn đề văn hóa trong dạy-học ngoại ngữ xét từ góc độ phương pháp luận, *Nội san Ngoại ngữ*, Hà Nội, số 3/2000.
- [13] Trịnh Thị Kim Ngọc (1999), *Ngôn ngữ và văn hóa tri thức nền và việc dạy tiếng nước ngoài*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Lân Trung, Các yếu tố văn hóa và văn minh trong giảng dạy ngoại ngữ, In trong kỷ yếu *Hội thảo khoa học toàn quốc: Thành tố văn hóa trong việc dạy - học ngoại ngữ*, Hà Nội, 01/2000.
- [15] Trần Quốc Vượng (chủ biên) và các tác giả (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

(BBT nhận bài: 20/03/2014, phản biện xong: 03/04/2014)